**PHỤ LỤC I**

**MẪU ĐƠN THUỐC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2022/TT-BYT ngày 12/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã đơn thuốc1** |  |
| Tên đơn vị: ................................................................  Địa chỉ: ......................................................................  Điện thoại2: ................................................................  **ĐƠN THUỐC**  Họ tên: .......................................................................  Ngày sinh3: .../.../.... Cân nặng4: ................ Giới tính: □ Nam □ Nữ  Số thẻ bảo hiểm y tế (nếu có)5: ................................................................  Địa chỉ liên hệ6: ...............................................................................................................  Chẩn đoán: .......................................................................................................................  ..........................................................................................................................................  Thuốc điều trị:  *Lời dặn7:*  Ngày ... tháng ... năm 20.....  Bác sỹ/Y sỹ khám bệnh  *(Ký, ghi rõ họ tên)*    *- Khám lại xin mang theo đơn này.*  *- Số điện thoại liên hệ8:* ..................................................................................................  *- Tên bố hoặc mẹ của trẻ hoặc người đưa trẻ đến khám bệnh, chữa bệnh9: ..................* | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Mã đơn thuốc: có chiều dài 14 ký tự (bao gồm chữ số và chữ cái) được tạo ra tự động theo cấu trúc quy định như sau: Mã đơn thuốc điện tử có định dạng: xxxxxyyyyyyy-z. Năm (5) ký tự x đầu tiên là mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Bảy (7) ký tự y tiếp theo là mã đơn thuốc, mỗi ký tự có giá trị ngẫu nhiên là số từ 0-9 hoặc chữ cái từ a-z, bảo đảm tính duy nhất của đơn thuốc tại một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Ký tự z cuối cùng có giá trị đại diện cho loại đơn thuốc (N: đơn thuốc gây nghiện, H: đơn thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, C: đơn thuốc khác); ký tự gạch ngang (-) giữa 12 ký tự đầu và ký tự z cuối cùng để phân cách mã đơn thuốc và loại đơn thuốc. Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, mã người hành nghề thực hiện theo quy định của Bộ Y tế tại Quyết định số 384/QĐ-BYT ngày 30/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành nguyên tắc cấp mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

2 Điện thoại: ghi điện thoại của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc của khoa hoặc của bác sỹ/y sỹ kê đơn thuốc.

3 Ngày sinh: ghi ngày, tháng, năm sinh của người bệnh.

4 Cân nặng (phải ghi đối với trẻ dưới 72 tháng tuổi): có thể cân trẻ hoặc hỏi bố hoặc mẹ của trẻ hoặc người đưa trẻ đến khám bệnh, chữa bệnh.

5 Số thẻ bảo hiểm y tế hoặc số định danh công dân theo tiến độ tích hợp thông tin về bảo hiểm y tế trong dữ liệu về căn cước công dân thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030.

6 Địa chỉ liên hệ: ghi địa chỉ của người bệnh để cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể liên hệ, trao đổi thông tin khi cần thiết.

7 Lời dặn: chế độ dinh dưỡng và chế độ sinh hoạt làm việc, lịch hẹn tái khám (nếu cần).

8 Số điện thoại liên hệ: là số điện thoại của người bệnh, người đưa trẻ đến khám hoặc người đại diện của người bệnh.

9 Tên bố hoặc mẹ của trẻ hoặc người đưa trẻ đến khám, chữa bệnh (chỉ ghi đối với trẻ dưới 72 tháng tuổi): hỏi người đưa trẻ đến khám.